

Bản án số: 192/2018/HS-ST

Ngày: 25-10-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kính.

2/ Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khá – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 173/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2018/QĐXXST-HS ngày 09/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Anh V, sinh ngày 16/3/1994, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 184/38/31/32 Đường D, Phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Số 2129/50 Đường P, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con Nguyễn Văn Vũ © và bà Lê Thị K; vợ: Cao Thị Ngọc Anh (sinh năm: 1996); con: Có 01 người con (sinh năm: 2014); tiền án: Tại bản án số 214/2016/HSST, ngày 09/8/2016, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 (Một) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2017; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 14/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 08/5/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định hủy Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2018. (Có mặt).

2. Bùi Phúc T, sinh ngày 12/8/1996 tại: Hậu Giang; nơi cư trú (Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp TH, thị trấn BT, huyện PH, tỉnh HG; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: V Nam; con ông Bùi Thanh Hùng và bà Đặng Thị Lệ; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại bản án số 236/2016/HSST, ngày 24/8/2016, Tòa án nhân dân Quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt T sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/5/2017; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 14/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 08/5/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định hủy Quyết định đưa người nghiện ma túy vào cơ sở xã hội Thanh thiếu niên 2 để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; ngày 03/8/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 7.500.000 đồng về hành vi “Tàng trữ đồ chơi nguy hiểm”; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/5/2018. (Có mặt).

Bị hại: Bà Huỳnh Thị Kim N, sinh năm: 1980; nơi cư trú: Số 149/32 Đường V, phường AL, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Số 266/3 (số mới 72/8C) đường G, Phường H, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Số 1132 Tỉnh lộ 10, KP6, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Phúc T, Nguyễn Anh V có quen biết từ trước. Khoảng 17 giờ, ngày 10/10/2017, cả hai gặp nhau tại khu dân cư BÐ, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thì V rủ và T đồng ý đi cướp giật T sản để bán lấy tiền tiêu xài. V có nhiệm vụ tìm T sản để cướp giật, T chạy xe phía sau để ngăn cản nếu V bị truy đuổi, đồng thời nếu V ngã xe thì T chở V tẩu thoát. Sau đó, V điều khiển xe biển số 51H1-7402, còn T điều khiển xe (không nhớ biển số) đi trên đường Đường H, Quận 8; khi đến trước nhà số 159 Đường H, Phường S, Quận X thì V phát hiện bà Huỳnh Thị Kim N đang điều khiển xe mô tô cùng chiều, ở giữa xe (ba ga) có để 01 giỏ xách. Lúc này, V liền tăng ga áp sát vào xe bà N và dùng tay trái giật được giỏ xách rồi tăng ga tẩu thoát, T tăng ga xe chạy cản phía trước xe bà N nhằm mục đích không cho bà N truy đuổi V. Sau khi chiếm đoạt được giỏ xách, V, T về khu dân cư BÐ, Phường S, Quận X kiểm tra giỏ xách thấy bên trong có 01 bóp da, số tiền 1.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu 0PP0 màu vàng, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe đều mang tên bà N, V lấy 900.000 đồng, chia cho T 900.000 đồng và giữ 01 điện thoại di động, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe của bà N, còn giỏ xách, bóp da thì T vứt bỏ xuống sông. Ngày 11/10/2017 V, T mang điện thoại cướp giật được của bà N đến cửa hàng điện thoại di động số 1132, tỉnh lộ 10, phường Tân Tạo, quận BT bán cho ông Nguyễn Ngọc

B được 1.000.000 đồng và chia mỗi người 500.000 đồng. Ngày 16/10/2017, T tiếp tục mang 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe của bà N cầm cho ông B được 500.000 đồng; T, V mua ma túy sử dụng chung. Ngày 12/3/2018, Công an Thành phố Hồ Chí Minh đi tuần tra phát hiện T điều khiển xe biển số 59Y1-09207 trên đường Dương Bá Trạc, Phường 1, Quận 8 có biểu hiện nghi vấn nên đưa về trụ sở Công an phường làm việc. Qua kiểm tra, cơ quan Công an tạm giữ của Bùi Phúc T 01 giỏ màu đen hiệu RaySPO đựng súng bắn đạn bi bằng hơi ga có 07 viên đạn trong hộp tiếp đạn, 75 viên đạn bi; 02 bình hơi ga, 01 giấy đăng ký xe gắn máy biển số 59Y1-092.07 mang tên Lê Hữu T; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe mang tên Bùi Phúc T; 01 xe gắn máy biển số 59Y1-092.07; 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, 01 điện thoại hiệu SamSung Galaxy J7 Pro màu vàng.

Ngày 13/3/2018, Công an Phường S, Quận X mời Nguyễn Anh V lên làm việc, V đã khai nhận hành vi như trên và giao nộp xe gắn máy biển số 51H1-7402 và tạm giữ của V 01 giấy đăng ký xe biển số 51H1-7402 do Lê Thị K đứng tên, 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37JW màu vàng, 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Anh V.

Ngày 13/3/2018, ông B giao nộp 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe của chị N cho Công an Quận 8 để xử lý.

Sau đó hồ sơ chuyển đến Cơ quan điều tra Công an Quận 8 điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 28/3/2018, Hội đồng định giá T sản trong tố tụng hình sự kết luận 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu vàng có giá trị 2.490.000 đồng, 01 túi xách có giá trị 40.000 đồng, 01 bóp da có giá trị 30.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định súng, đạn của Công an Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27/3/2018 xác định khẩu súng là đồ chơi nguy hiểm bị cấm; 82 viên đạn là đạn bi.

Ngày 27/4/2018, Cơ quan điều tra Công an Quận 8 khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ngày 09/5/2018 bắt tạm giam đối với Bùi Phúc T, Nguyễn Anh V về tội: Cướp giật T sản.

Tại Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Bùi Phúc T, Nguyễn Anh V khai nhận hành vi phạm tội trên, lời khai của các bị can phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan và các T liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Trách nhiệm dân sự: Công an Quận 8 đã ra quyết định trả cho bà Huỳnh Thị Kim N 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và bà N không yêu cầu bồi thường thiệt hại còn lại.

Vật chứng liên quan bị thu giữ:

- 01 giỏ màu đen hiệu RaySPO đựng súng bắn đạn bi bằng hơi ga có 07 viên đạn trong hộp tiếp đạn, 75 viên đạn bi; 02 bình hơi ga; Công an Quận 8 đã chuyển đến Ủy ban nhân dân Quận 8 để xử lý hành chính và tịch thu tiêu hủy vật chứng theo luật định.

- Chiếc xe biển số 51H-7402, qua xác minh do bà Lê Thị K (mẹ V) là chủ sở hữu. Ngày 10/10/2017, V lấy xe trên đi cướp giật, bà K không biết. Ngày 13/7/2018, Công an Quận 8 đã ra quyết định trả xe cho bà K.

- Điện thoại hiệu OPPO A37JW màu vàng, chứng minh nhân dân tạm giữ của V không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Xe mô tô biển số 59Y1-092.07, qua xác minh do ông Lê Hữu T là chủ sở hữu, ngày 27/4/2016, ông T bị mất xe tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; nhưng không trình báo Công an. Bùi Phúc T khai mua xe trên của 01 thanh niên có giấy đăng ký xe gắn máy biển số 59Y1-092.07 mang tên Lê Hữu T (nhưng không làm thủ tục sang tên) để

làm phương tiện đi lại và bị Công an Quận 8 tạm giữ. Qua giám định số khung, số máy không xác định được số nguyên thủy. Công an Quận 8 có công văn thông báo đề Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh biết và phối hợp xử lý trong việc điều tra vụ trộm cắp T sản xảy ra trên địa bàn quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo thẩm quyền.

- 01 chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Bùi Phúc T, 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, 01 điện thoại hiệu SamSung Galaxy J7 Pro màu vàng; không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Đối với chiếc xe (không rõ biển số) mà T dùng làm phương tiện cướp giật, sau khi cướp giật T sản của bà N, T đã bán cho người khác nên không thu hồi được.

- Điện thoại di động hiệu 0PP0 màu vàng của bị hại N, sau khi mua của T và V; ông Nguyễn Ngọc B đã bán lại cho người khác (không rõ lai lịch), nên không thu hồi được.

- Đối với chiếc giỏ xách và bóp da của bị hại, do T đã vứt bỏ xuống sông; nên không thu hồi được.

Đối với hành vi của ông Nguyễn Ngọc B, do không biết điện thoại và các giấy tờ (chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của bị hại N) mà T, V có được là do phạm tội mà có và hiện đã giao nộp chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của bị hại N cho cơ quan Công an để trả cho bị hại; nên Công an Quận 8 không xử lý.

Bản cáo trạng số 177/CT-VKS, ngày 21/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo: Nguyễn Anh V, Bùi Phúc T về tội “Cướp giật T sản” theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 136, điểm g Khoản 1 Điều 48, Điều 33, Điều 45, Điều 53, điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt mỗi bị cáo mức án từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm tù. Đồng thời đề nghị miễn phần hình phạt bổ sung cho các bị cáo (do các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, khó thi hành). Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị không giải quyết về trách nhiệm dân sự (do đương sự không có yêu cầu) và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Anh V, Bùi Phúc T đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng xe gắn máy có phân khối lớn và nhanh chóng tiếp cận bị hại (bà Huỳnh Thị Kim N) rồi dùng tay chiếm đoạt 01 giỏ xách (được để ở ba ga xe gắn máy của bị hại) bên trong có 01 bóp da, số tiền 1.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu 0PP0 màu vàng, 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị Kim N và 01 giấy phép lái xe mang tên Huỳnh Thị Kim N; vào khoảng hơn 17 giờ, ngày 10/10/2017, tại trước nhà số 159 Đường H, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] T sản mà các bị cáo Nguyễn Anh V, Bùi Phúc T chiếm đoạt của bị hại có tổng trị giá là 4.360.000 đồng (thuộc trường hợp T sản có giá trị dưới 50.000.000 đồng). Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Các bị cáo Nguyễn Anh V, Bùi Phúc T đã phạm vào tội “Cướp giật T sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Về tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: Khi phạm tội, các bị cáo đã sử dụng chiếc xe gắn máy có phân khối lớn làm phương tiện di chuyển để bắt ngờ áp sát, nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của bị hại, rồi tăng ga phóng nhanh để tẩu thoát, đe dọa đến sự an toàn về tính mạng, sức khỏe của bị hại cũng như những người tham gia giao thông; nên theo quy định tại tiểu mục 5.3 mục 5 Phần I Thông tư liên tịch số 02/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001, thì bị cáo V và bị cáo T đã phạm tội thuộc trường hợp “Sử dụng thủ đoạn nguy hiểm”. Đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Vì vậy, các bị cáo Nguyễn Anh V, Bùi Phúc T phải bị xét xử theo quy định tại điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[5] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng mang tính chất giản đơn, không có tính tổ chức chặt chẽ. Bị cáo V là người đề xướng, rủ rê và điều khiển xe gắn máy trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt T sản của bị hại; bị cáo T là người giúp sức tích cực (điều khiển xe gắn máy ngăn cản sự truy đuổi của bị hại và người đi đường khi bị cáo V bị truy đuổi và trong trường hợp bị cáo V ngã xe thì bị cáo T chở tẩu thoát.) Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc vai trò đồng phạm cũng như tính chất, mức độ tham gia tội phạm của từng bị cáo theo quy định tại Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) khi quyết định hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong lần phạm tội này của cả hai bị cáo V và T thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[7] Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có quá trình nhân thân xấu (đều nghiện ma túy, riêng bị cáo T còn tàng trữ đồ chơi nguy hiểm và đã bị xử phạt vi phạm hành chính); nên cần lưu ý khi lượng hình đối với từng bị cáo.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; để từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho từng bị cáo một phần về hình phạt theo quy định tại điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) mà lẽ ra các bị cáo phải chịu.

[9] Bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với các bị cáo Nguyễn Anh V, Bùi Phúc T là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của từng bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung một số tiền

nhất định, nhưng xét thấy các bị cáo Nguyễn Anh V, Bùi Phúc T đều có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử miễn cho các bị cáo phần hình phạt bổ sung.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Đương sự không có yêu cầu và tại phiên tòa vắng mặt. Xét đây là quyền tự định đoạt, quyết định của đương sự; nên không xem xét giải quyết.

[12] Về số tiền thu lợi bất chính: Mặc dù bị hại không có yêu cầu các bị cáo bồi thường số T sản chiếm đoạt (trong đó có số tiền mặt 1.800.000 đồng và chiếc điện thoại các bị cáo bán được 1.000.000 đồng mà cả hai đã chia nhau tiêu xài hết). Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (ông Nguyễn Ngọc B) cũng không có yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 500.000 đồng mà ông B đã đưa. Tuy nhiên, đây là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, nên cần buộc các bị cáo phải nộp lại theo tỷ lệ chia đều mà các bị cáo đã chia nhau hưởng, để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[13] Về vật chứng:

- Chiếc xe gắn máy biển số 51H-7402, mà các bị cáo dùng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại chủ sở hữu hợp pháp (bà Lê Thị K) là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Chiếc xe gắn máy (không rõ biển số) mà bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không thu hồi được, nên không có cơ sở xem xét xử lý.

- 01 giỏ màu đen hiệu RaySPO đựng súng bắn đạn bi bằng hơi ga có 07 viên đạn trong hộp đựng đạn, 75 viên đạn bi; 02 bình hơi ga; Công an Quận 8 đã chuyển đến Ủy ban nhân dân Quận 8 để xử lý hành chính và tịch thu tiêu hủy vật chứng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Điện thoại di động hiệu 0PP0 màu vàng của bị hại N, sau khi mua của T và V; ông Nguyễn Ngọc B đã bán lại cho người khác (không rõ lai lịch), nên không thu hồi được.

- Đối với chiếc giỏ xách và bóp da của bị hại N, do T đã vứt bỏ xuống sông; nên không thu hồi được.

- 01 chiếc xe gắn máy hiệu Luvias, biển số 59Y1-092.07; cần giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục tạm giữ và xử lý khi phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc điều tra vụ án “Trộm cắp T sản” có liên quan xảy ra trên địa bàn quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại di động hiệu 0PP0 A37JW màu vàng và giấy chứng minh nhân dân tạm giữ của bị cáo V, do không liên quan đến hành vi phạm tội; nên cần trả lại cho bị cáo.

- Giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe mang tên Bùi Phúc T, 01 điện thoại Nokia 105 màu xanh, 01 điện thoại hiệu SamSung Galaxy J7 Pro màu vàng đã tạm giữ của bị cáo T; do không liên quan đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

[14] Đối với hành vi của ông Nguyễn Ngọc B, do không biết điện thoại và các giấy tờ (chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của bị hại N) mà T, V có được là do phạm tội mà có và hiện đã giao nộp chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe của bị hại N cho cơ quan Công an để trả cho bị hại; nên Công an Quận 8 không xử lý.

[15] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 136; Điều 53; điểm g Khoản 1 Điều 48; điểm p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: 1/ Bị cáo Nguyễn Anh V 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Cướp giật T sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 09/5/2018.

2/ Bị cáo Bùi Phúc T 04 (Bốn) năm 04 (Bốn) tháng tù, về tội “Cướp giật T sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 09/5/2018.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Anh V và Bùi Phúc T.

- Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

- Về số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có: Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Buộc các bị cáo: Nguyễn Anh V và Bùi Phúc T; mỗi bị cáo phải nộp lại số tiền là 1.650.000 đồng, để tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Anh V 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A37JW màu vàng và 01 (một) CMND (chứng minh nhân dân) mang tên Nguyễn Anh V.

+ Trả lại cho bị cáo Bùi Phúc T 01 (một) CMND (chứng minh nhân dân) và 01 (một) giấy phép lái xe mang tên Bùi Phúc T cùng 01 (một) điện thoại hiệu Nokia 105 màu xanh và 01 (một) điện thoại hiệu Samsung Galaxy J7 Pro màu vàng.

+ Giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục tạm giữ và xử lý đối với 01 chiếc xe gắn máy hiệu Luvias (biển số 59Y1-092.07, số khung và số máy bị mài, đục không xác định được số nguyên thủy cùng 01 giấy đăng ký xe biển số 59Y1-092.07 mang tên Lê Hữu T) khi phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh trong việc điều tra vụ án “Trộm cắp T sản” có liên quan xảy ra trên địa bàn quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vật chứng theo phiếu nhập kho vật chứng số 122/PNK ngày 25/5/2018 của Công an Quận 8, TP.HCM).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo: Nguyễn Anh V và Bùi Phúc T; mỗi bị cáo phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án và đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo phần bản án có liên

quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình; trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8;
- CQTHAHS Q.8; NTG CAQ.8;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trọng Trú